TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 994/2024/DS-PT
Ngày: 26-11-2024

"V/v tranh chấp thừa kế tài sản và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Bà Nguyễn Thị Cúc

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Nguyễn Hữu Trung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 610/2024/TLPT- DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 về việc: *"tranh chấp thừa kế tài sản và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3082/2024/QĐ-PT, ngày 10 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Huỳnh Ngọc Á, sinh năm 1964. Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Trần Thị Thanh V, sinh năm 1995 (theo Văn bản ủy quyền ngày 12/3/2021). Địa chỉ liên hệ: số B đường Đ, khóm A, phường A, thị xã T, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1954. Nơi cư trú: số nhà G, đường H, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: bà Trần Thị Hồ T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: 18/5 TCH A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Thanh V1, sinh năm 1952. Nơi cư trú: số nhà I, đường N, Khóm B, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Ngọc P, sinh năm 1969. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh Ngọc P*:* bà Trần Thị Thanh V, sinh năm 1995. Địa chỉ liên hệ: Số B đường Đ, khóm A, phường A, thị xã T, tỉnh Trà Vinh (theo Văn bản ủy quyền ngày 27/10/2021 – có mặt).

3. Bà Huỳnh Thị Thanh N, sinh năm 1981. Nơi cư trú: số nhà E, đường M, Khóm C, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Bà Huỳnh Thị T1, sinh năm 1983 (vắng mặt);

5. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1960 (vắng mặt);

Cùng nơi cư trú: ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6. Bà Lê Thị Tường V2, sinh năm 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

7. Ông Huỳnh Anh D, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

8. Bà Huỳnh L, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ sinh sống: 7325 Nw 159th T, OK G, USA.

9. Ông Lê Đình L1, sinh năm 1954. Nơi cư trú: số nhà G, đường H, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của ông L1*:* bà Trần Thị Hồ T, sinh năm 1978. Nơi cư trú: 18/5 TCH A, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

10. Ông Lê Minh C, sinh năm 1992. Nơi cư trú: số nhà E, đường C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

11. Ông Lê Minh T2, sinh năm 1983. Nơi cư trú: số nhà G, đường H, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

12. Ngân hàng Thương mại cổ phần P1. Địa chỉ trụ sở: số D, đường L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T3, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh T4, chức vụ: Giám đốc Trung tâm B (vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: bị đơn bà Huỳnh Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 19/5/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc Á *và người đại diện theo ủy quyền của bà* Á *là chị* Trần Thị Thanh V *trình bày:*

Cụ Huỳnh Văn T5 chết ngày 20/02/2018 có di chúc và cụ Bùi Thị C1 chết ngày 09/10/1997 không có di chúc. Cụ C1 và cụ T5 có 08 người con chung: Ông Huỳnh Quốc T6 chết năm 1971, không vợ, con; ông Huỳnh Văn T7 chết lúc khoảng 03 tuổi; ông Huỳnh Thanh V1; bà Huỳnh Thị H; bà Huỳnh Ngọc Á, bà Huỳnh Ngọc P; ông Huỳnh Thanh N1 chết năm 1985 có 02 con là chị Huỳnh Thị

Thanh N, chị Huỳnh Thị T1, ông Huỳnh Quốc C2 chết năm 2002 có vợ là bà Lê Thị Tường V2 và 02 con là anh Huỳnh Anh D, chị Huỳnh Lê . Cha và mẹ của cụ T5, cụ C1 đều đã chết. Cụ T5, cụ C1 không có cha, mẹ nuôi, không có con nuôi. Di sản cụ T5 để lại là nhà ở cấp 4 và quyền sử dụng đất thửa 36, tờ bản đồ 15, diện tích 154,1m^2, tọa lạc tại phường A, thành phố V đang do bà H quản lý, sử dụng.

Ngày 10/11/2016, cụ Huỳnh Văn T5 lập Di chúc cho bà H nhà ở cùng quyền sử dụng đất thửa 36, tờ bản đồ 15. Sau khi cụ T5 chết, bà H lập thủ tục kê khai, đăng ký và được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 356030 ngày 13/10/2020. Ngày 15/01/2021, bà H tiếp tục lập Hợp đồng tặng cho con là anh Lê Minh Cường Q sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất 36, tờ bản đồ 15. Vì cụ T5 lập Di chúc ngày 10/11/2016 giao toàn bộ tài sản nhà và đất tại thửa 36, tờ bản đồ 15 cho bà H là đã định đoạt luôn ½ di sản của cụ Bùi Thị C1 không đúng quy định pháp luật về tài sản chung của vợ chồng nên di chúc này vô hiệu một phần đối với ½ di sản của cụ C1. Riêng ½ di sản của cụ T5 đã có di chúc giao bà H nên bà Á không yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ T5.

Bà Á khởi kiện yêu cầu vô hiệu một phần Di chúc của cụ T5 lập ngày 10/11/2016, số công chứng 121 của Phòng C5 tỉnh Vĩnh Long và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 15/01/2021 giữa bà H với Lê Minh C, số công chứng 277 của Văn phòng C6. Bà Á yêu cầu chia thừa kế bằng giá trị đối với di sản của cụ Bùi Thị C1 là ½ giá trị nhà ở số 07 và ½ giá trị thửa đất 36, tờ bản đồ 15 thành 07 phần thừa kế, trong đó, bà Á yêu cầu nhận 01 phần bằng số tiền 497.109.854 đồng. Ngoài ra, bà Á không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, chị V đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày, bà Á giữ nguyên yêu cầu khởi kiện vô hiệu một phần di chúc của cụ T5 lập ngày 10/11/2016 đối với phần di sản của cụ C1 và yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C1 thành 07 phần cho những người thừa kế của cụ C1 và bà Á được nhận một phần. Về giá trị quyền sử dụng đất phân chia, chị V yêu cầu chia theo giá thị trường là 44.151.000 đồng/m^2 theo chứng thư thẩm định, còn về giá trị nhà chị V yêu cầu chia ½ phần nhà xây dựng năm 1975, sàn gỗ và hàng rào có giá trị 93.716.498 đồng.

Bị đơn bà Huỳnh Thị H *và người đại diện theo ủy quyền của bà* H *là anh* Nguyễn Hoàng Đ *trình bày:*

Bà Hòa đồng Ý trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Huỳnh Văn T5, cụ Bùi Thị C1. Bà H không đồng ý nhà và đất tại số G đường H, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là tài sản của cụ T5, cụ C1 mà xác định là tài sản riêng của bà H. Vào năm 1981, bà H và chồng là ông Lê Đình L1 nhờ cụ T5 tìm mua giúp nhà, đất. Cụ T5 đã thỏa thuận với ông Trương Thành V3 mua nhà số G, đường L, Phường A, thị xã V nay là nhà số G, đường H, Phường A, thành phố V với giá 30.000 đồng. Điều này được chứng minh tại Di chúc viết tay lập ngày 09/4/2000 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh

Long với chữ viết của cụ T5 xác nhận số tiền 30.000 đồng do bà H, ông L1 trả ông V3, cụ T5 chỉ đứng tên dùm.

Qua các tư liệu đo đạc về đất đai, thửa đất gắn liền căn nhà số 07 chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do có tranh chấp ranh giới với các hộ lân cận. Ngày 10/11/2016, cụ T5 lập Di chúc, số công chứng 121 của Phòng C5 tỉnh Vĩnh Long để lại bà H sở hữu toàn bộ nhà, đất tại địa chỉ số G, H, Phường A, thành phố V. Ngày 01/9/2020, bà H lập các thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo di chúc. Ngày 13/10/2020, bà H được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thửa 36, tờ bản đồ 15. Ngày 15/01/2021, bà H lập Hợp đồng tặng cho con Lê Minh C toàn bộ quyền sử dụng đất thửa 36, tờ bản đồ 15, diện tích 154,1m^2. Ngày 19/01/2021, anh Lê Minh C đứng tên mặt 3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Bà H không đồng ý việc nguyên đơn yêu cầu hủy một phần di chúc của cụ T5 và yêu cầu vô hiệu hợp đồng tặng cho nhà đất giữa bà H và anh C, đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đ đại diện bà H giữ nguyên ý kiến trình bày, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Á. Bà H là người mua nhà và nhờ cụ T5 đứng tên dùm nên nhà và đất thửa 36 là tài sản riêng của bà H. Trường hợp Tòa án xác định di chúc cụ T5 vô hiệu một phần thì bà H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C1 là quyền sử dụng đất thửa 36, tờ bản đồ 15, diện tích 154.1m^2 thành 03 phần gồm một phần của cụ C1, một phần của cụ T5 và một phần giao cho người có công quản lý tôn tạo là bà H được nhận. Sau đó phần của cụ C1 sẽ chia thành 07 thừa kế như bà Á yêu cầu. Bà Hòa đồng Ý hoàn cho bà Á một phần thừa kế của cụ C1 trị giá 165.703.284 đồng theo giá thị trường 44.151.000 đồng/m^2 là mức giá theo chứng thư thẩm định bà Á yêu cầu. Riêng căn nhà đã nhiều lần sửa chữa và có xây dựng thêm nên không phải là di sản, bà H không đồng ý chia giá trị nhà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Ngọc P *có người đại diện theo ủy quyền là chị* Trần Thị Thanh V *trình bày:*

Bà P đồng ý trình bày của nguyên đơn, bị đơn về hàng thừa kế thứ nhất của cụ T5, cụ C1. Trường hợp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bà P yêu cầu nhận phần thừa kế theo pháp luật quy định đối với di sản cụ T5, cụ C1 để lại tại nhà, đất thuộc thửa 36, tờ bản đồ số 15.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Minh C *cùng người đại diện theo ủy quyền của anh* C *trình bày:*

Anh C nhận tặng cho nhà và đất tại thửa 36 đúng pháp luật quy định, đã thế chấp tài sản tại thửa đất 36 bảo đảm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP P1. Anh C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Á.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh C giữ nguyên ý kiến trình bày không đồng ý vô hiệu một phần di chúc ngày 10/11/2016 của cụ T5, không đồng ý vô hiệu hợp

đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 15/01/2021 giữa bà H và anh C. Trường hợp Tòa án xác định di chúc cụ T5 vô hiệu một phần thì anh C đồng ý như ý kiến của bà H và anh Đ là chia cho bà Á một phần thừa kế của cụ C1 trị giá 165.703.284 đồng. Hiện nay anh C đã nhận nhà đất do bà H tặng cho nên anh đồng ý có nghĩa vụ cùng bà H hoàn giá trị kỷ phần thừa kế trên cho bà Á.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Minh T2 trình bày:

Anh T2 là con của bà H, ông L1, là người đứng tên đại diện theo pháp luật Hộ kinh doanh dụng cụ y khoa và thẩm mỹ Lê Gia tại nhà và đất thuộc thửa đất 36. Anh T2 yêu cầu tiếp tục kinh doanh tại mặt bằng thuộc nhà số G, H, Phường A, thành phố V.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T2 thống nhất với ý kiến của bà H và anh Đ. Đối với hợp đồng thuê nhà anh T2 không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh V1 *có lời khai tại hồ sơ trình bày:*

Ông V1 đồng ý trình bày của nguyên đơn, bị đơn về hàng thừa kế thứ nhất của cụ T5, cụ C1. Trường hợp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, ông V1 yêu cầu nhận phần thừa kế bằng giá trị theo pháp luật quy định đối với di sản cụ T5, cụ C1 để lại tại nhà, đất thuộc thửa 36, tờ bản đồ số 15. Ông V1 đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt suốt quá trình tiến hành tố tụng của vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Thanh N *có lời khai ngày 17/8/2022 trình bày:*

Chị N đồng ý trình bày của nguyên đơn, bị đơn về hàng thừa kế thứ nhất của cụ T5, cụ C1. Ông Huỳnh Thanh N1 chết năm 1985 có 02 người con đẻ là chị N và chị Huỳnh Thị T1. Ông N1 không có con nuôi. Trường hợp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, chị N cùng chị T1 yêu cầu nhận phần thừa kế thế vị bằng giá trị theo pháp luật quy định đối với di sản cụ T5, cụ C1 để lại tại nhà, đất thuộc thửa 36, tờ bản đồ số 15. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt suốt quá trình tiến hành tố tụng của vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại cổ phần P1 *có văn bản ý kiến ngày 15/8/2022 trình bày:*

Ngân hàng Thương mại cổ phần P1 và anh Lê Minh C ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ST21014595/2021/PBT/HĐTD ngày 31/5/2021, đã thế chấp quyền sử dụng đất cùng công trình, tài sản khác gắn liền với đất thuộc thửa 36, tờ bản đồ 15 để bảo đảm vay số tiền 2.990.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số ST21014595 ngày 31/5/2021 và số ST22000991/2022/PBT/HĐTD ngày 14/01/2022. Ngân hàng TMCP P1 là bên thứ ba ngay tình nhận thế chấp quyền sử dụng đất bảo đảm hợp đồng tín dụng đúng quy định pháp luật nên yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp. Ngân hàng TMCP P1 không có yêu cầu độc lập với anh C để tất toán hợp đồng tín dụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Tường V2 *và chị* Huỳnh Lê C3 *lời khai ngày 19/9/2023 trình bày:*

Bà V2 là vợ ông C2, ông C2 và bà V2 có 02 người con là anh D và chị L. Ông C2 chết năm 2002. Đối với yêu cầu của bà Á khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Huỳnh Văn T5 và bà Bùi Thị C1 theo pháp luật là căn nhà cấp 4 gắn liền thửa đất 36, tờ bản đồ 15, diện tích 131,2m^2, tọa lạc tại phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long do bà Á khởi kiện, trường hợp yêu cầu của bà Á được chấp nhận thì bà V2 và chị L yêu cầu đối với phần di sản mà ông C2 được nhận, bà V2 và chị Lê tự N2 giao cho bà H nhận phần di sản mà ông C2 được chia thừa kế từ di sản của cụ T5 và cụ C1. Ngoài ra, bà V2 và chị L đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Ngọc Á.

1.1 Tuyên bố Di chúc của cụ Huỳnh Văn T5 lập ngày 10/11/2016, số công chứng 121 của Phòng C5 tỉnh Vĩnh Long có hiệu lực một phần đối với di sản của cụ Huỳnh Văn T5 và vô hiệu một phần đất với di sản của cụ Bùi Thị C1.

1.2 Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bùi Thị C1 gồm: Cụ Huỳnh Văn T5 (chết năm 2018), bà Huỳnh Ngọc Á, bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Thanh V1, bà Huỳnh Ngọc P, ông Huỳnh Quốc C2, thừa kế thế vị của ông Huỳnh Thanh N1 là chị Huỳnh Thị Thanh N và chị Huỳnh Thị T1.

1.3 Xác định di sản thừa kế của cụ C1 là ½ giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ 15, diện tích 154,1m^2 và phần nhà gắn trên thửa đất, tọa lạc tại số G, H, Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

1.4 Di sản của cụ C1 được chia thừa kế như sau: Bà Á, bà P, ông V1, ông N1 (do thừa kế thế vị của ông N1 là chị T1, chị N hưởng), ông C2 (do những người thừa kế của ông C2 là bà V2, anh D, chị Lê H1) mỗi người được hưởng 1/8 giá trị nhà đất, tương đương mỗi phần thừa kế là 430.747.218 đồng; bà H được nhận 3/8 giá trị nhà đất tương đương 1.292.241.654 đồng (một phần của bà H, một phần công sức và một phần cụ T5 thừa kế của cụ C1).

1.5 Buộc bà Huỳnh Thị H và anh Lê Minh C phải chia cho bà Huỳnh Ngọc Á, ông Huỳnh Thanh V1, bà Huỳnh Ngọc P, ông Huỳnh Quốc C2, thừa kế thế vị của ông Huỳnh Thanh N1 (là chị Huỳnh Thị Thanh N, chị Huỳnh Thị T1) mỗi người nhận số tiền 430.747.218 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm mười tám đồng).

Công nhận bà Huỳnh Thị H nhận 03 (ba) phần thừa kế gồm: 01 phần thừa kế của bà H, 01 phần của cụ Huỳnh Văn T5, 01 phần về công sức đóng góp vào di sản với tổng số tiền 1.292.241.654 đồng (Một tỷ hai trăm chín mươi hai triệu hai trăm bốn mươi mốt ngàn sáu trăm năm mươi bốn đồng).

Tạm giao phần thừa kế của ông Huỳnh Quốc C2 được hưởng bằng số tiền 430.747.218 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm

mười tám đồng) cho bà Huỳnh Thị H quản lý. Bà V2, anh D và chị L có quyền tự thỏa thuận với bà H để nhận phần thừa kế được chia và nếu không thỏa thuận được có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật.

1.6 Công nhận hiệu lực của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 15/01/2021, số công chứng 277 của Văn phòng C6 giữa anh Lê Minh C bà Huỳnh Thị H đối với nhà đất thửa số 36, tờ bản đồ 15, diện tích 154,1m^2 tọa lạc tại số G đường H, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/01/2024, bị đơn bà Huỳnh Thị H có đơn kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; công nhận diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất hợp pháp của bà.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Thị Hồ Thu G *nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:* vợ chồng bà H bỏ tiền mua nhà và đất và nhờ ông T5 đứng tên hộ, sau khi mua nhà và đất thì gia đình bà H sinh sống tại đó cho đến nay; tờ di chúc ông T5 viết năm 2000 đã thừa nhận ông là người đứng tên dùm. Đối với tờ di chúc năm 2016, sau khi cụ T5 mất, bà H chỉ nhận thức nhà đất là của mình nên mới đem làm thủ tục đăng ký cấp sổ, tờ di chúc ông T5 viết năm 2000 mới là sự thật. Đồng thời, tờ di chúc năm 2016 ông T5 cũng mong muốn giao tài sản lại cho bà H. Tòa cấp sơ thẩm tuyên ½ di chúc không có hiệu lực là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà H, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh V *trình bày:* khi mua nhà này thì có ông T5 cùng anh em ở để đi học chứ không phải một mình gia đình bà H sinh sống. Bà H cho rằng đã dùng tiền của mình để mua diện tích đất trên nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh, ông T5 là người đứng mua và để lại di chúc cho một mình bà H là không phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án phúc thẩm, thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bảo đảm cho các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thu thập, không có căn cứ để xác định nhà và đất do bà H đứng mua. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tại phiên tòa, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị H trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có đại diện theo ủy quyền hoặc có đơn xin xét xử vắng mặt, đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án, không làm ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của bị đơn nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định trình tự, thẩm quyền, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án cũng như di sản thừa kế, hàng thừa kế là phù hợp theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị H:

[4.1] Nhà và đất tại thửa đất số 36, tờ bản đồ 15, diện tích 154.1m^2 tọa lạc tại căn nhà số G, đường H, phường A, thành phố V có nguồn gốc do cụ T5 thỏa thuận mua của ông Trương Thành V3 vào năm 1981. Ngày 16/3/1984, cụ T5 cùng ông Trương Thành V3 xác lập văn bản Tờ bán đứt một ngôi nhà số G (diện tích ngang 5m x dài 18m), đường H, Phường A, thị xã V với giá mua 30.000 đồng. Thỏa thuận mua bán này được sự chấp thuận của Phòng Quản lý nhà đất tỉnh Vĩnh Long, nộp trước bạ ngày 09/8/1985.

[4.2] Tại Quyết định số 114/QĐ.UBTX, ngày 18/10/1999 của Ủy ban nhân dân thị xã V; Quyết định số 2726/QĐ.UB, ngày 30/7/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh V về việc giải quyết khiếu nại của cụ T5 và ông Huỳnh Quang V4 đã xác định diễn biến việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất thửa 36 như sau: Năm 1983, đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg, ông T5 kê khai, đăng ký thửa 765, diện tích 132m^2, loại đất thổ; năm 1993, cụ T5 kê khai, đăng ký thuộc thửa 126, diện tích 131m^2, loại đất thổ cư; năm 1996, theo Nghị định 60/CP, cụ T5 kê khai thuộc thửa 36, diện tích 151,2m^2, loại đất thổ.

[4.3] Tại Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 04/9/2020 (bút lục 42), bà H đã kê khai *"Nhận thừa kế từ cha* Huỳnh Văn T5*"*. Theo trích lục hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 36 cho bà H có tài liệu gồm: Di chúc ngày 10/11/2016 của cụ T5, Văn bản khai nhận di sản thừa kế theo di chúc lập ngày 01/9/2020, Biên bản niêm yết ngày 14/8/2020 và Biên bản kết thúc niêm yết hồ sơ khai nhận di sản thừa kế theo di chúc ngày 31/8/2022 tại Ủy ban nhân dân Phường A, thành phố V. Như vậy, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 36, tờ bản đồ 15, diện tích 154,1m^2 cho bà H là nhận **thừa kế** theo di chúc của cụ T5, không phải cấp theo hình thức giao đất, nhận chuyển

quyền sử dụng đất nên có căn cứ xác định nhà và đất tọa lạc tại số G, đường H, Phường A, thị xã V là tài sản thuộc sở hữu cụ T5, cụ C1 để lại.

[4.4] Tại tờ Di chúc lập ngày 09/4/2000 có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long thì cụ T5 ghi việc mua căn nhà số G, đường H, Phường A, thị xã V với nguồn tiền 30.000 đồng là của bà H, ông Lê Đình L1; cụ T5 chỉ đứng tên dùm việc mua nhà và cụ T5 giao vợ chồng bà H sở hữu căn nhà trên. Văn bản ghi "Di chúc" lập ngày 09/4/2000 nhưng nội dung không phải là di chúc mà là sự thừa nhận tài sản của ông T5 đối với bà H. Mặt khác, tại Di chúc lập ngày 10/11/2016, cụ T5 khẳng định cụ là người ký hợp đồng mua nhà số G, lý do chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do tranh chấp với ông Huỳnh Quang V4, ông Lưu Đình C4 và đồng ý để lại tài sản cho bà H thừa kế. Di chúc ngày 10/11/2016 có nội dung khẳng định chủ sở hữu nhà số 07 khác với di chúc lập ngày 09/4/2000, ông T5 khẳng định nhà đất là tài sản của ông và để lại cho bà H thừa kế. Sau khi cụ T5 lập di chúc này, bà H không có ý kiến về nội dung mà dùng bản di chúc này để làm thủ tục đăng ký cấp sổ.

[5] Như vậy, có cơ sở xác định nhà và đất tại thửa 36, tờ bản đồ 15, diện tích 154,1m^2 do cụ T5 đứng tên mua và đã thực hiện việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất qua các tư liệu đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg. Thời điểm này, quan hệ hôn nhân của cụ C1 và cụ T5 đang tồn tại nên có căn cứ xác định, nhà và đất trên là tài sản chung của vợ chồng cụ T5. Bà H cho rằng nhà và đất trên là do vợ chồng bà bỏ tiền ra mua và nhờ cụ T5 đứng tên dùm nhưng bà không đưa ra được chứng cứ để chứng minh. Đây là tài sản chung của cụ C1 và cụ T5, nhưng cụ T5 lập di chúc giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho bà H được hưởng toàn bộ tài sản là không đúng quy định, cụ T5 chỉ có quyền định đoạt ½ tài sản của mình. Đối với phần di sản của cụ C1 khi chết cụ không để lại di chúc nên án sơ thẩm chia phần di sản này cho các đồng thừa kế mỗi người hưởng một kỷ phần, trong đó bà H được hưởng thêm một phần do có công sức đóng góp, quản lý di sản là đúng theo quy định pháp luật. Bà H kháng cáo cho rằng diện tích đất và nhà do vợ chồng bà bỏ tiền ra mua và nhờ ông T5 đứng tên hộ nhưng bà không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo.

[6] Quan đểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí nhưng được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;

2. Án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn bà Huỳnh Thị H được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Thụy Vũ	**Nguyễn Thị Cúc**	**Lê Văn An**